

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-10-2021.

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình ly  
hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lý Thị Bích Thơ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Văn Khon.
2. Ông Nguyễn Quốc Trí.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Thông – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 tháng 6 và ngày 25 tháng 10 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 406/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXX-ST ngày 02 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Bích T, sinh năm: 1986;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm: 1985;

Cùng nơi cư trú: Ấp T, xã Q, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/12/2020, các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử;*

- Nguyên đơn chị Lê Thị Bích T trình bày: Chị T và anh L tự nguyện tìm hiểu, được gia đình đồng ý nên tổ chức đám cưới vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Thanh Bình vào ngày 09/5/2008. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do anh L nghiện rượu, cờ bạc, thường xuyên đánh đập, đe dọa chị T, anh L không có công việc ổn định, không có trách nhiệm với vợ con. Chị T đã nhiều lần

khuyến nủ nhưng anh L không thay đổi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên đã ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay. Về con chung có 01 người con tên Nguyễn Bảo Nam, sinh ngày 08/5/2009, hiện nay do anh L đang nuôi dưỡng, về tài sản chung và nợ chung không có.

Nay chị Bích T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn L, con chung thống nhất giao cháu Nguyễn Bảo N cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh L không cung cấp văn bản ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của chị T, cũng như tham dự phiên hòa giải và phiên tòa nên tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của anh L về yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, trước khi xét xử chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định. Bị đơn anh L chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Ngày 25/10/2021 anh L có đến Tòa án nhưng trước khi bắt đầu thời gian xét xử vụ án anh L bỏ ra về không có lý do chính đáng. Tòa án đã tiến hành lập biên bản và đã tiến hành xét xử vắng mặt do đây là triệu tập hợp lệ lần thứ 2 theo quy định.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Lê Thị Bích T đối với anh Nguyễn Văn L. Về con chung ghi nhận sự tự nguyện của chị T giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 08/5/2009 cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến trưởng thành. Về tài sản chung tự thỏa thuận, về nợ chung không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.] Về pháp luật tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Văn L, hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú ấp T, xã Q, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Chị T và anh L, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nay chị T yêu cầu ly hôn với anh L, yêu cầu nuôi con, nên phát sinh tranh chấp ly hôn và nuôi con chung. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3.] Về pháp luật áp dụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[1.4.] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh L có mặt nhưng khi Hội đồng xét xử tiến hành xét xử thì anh L tự ý bỏ ra về không nêu lý do chính đáng. Hội đồng xét xử xét thấy anh L đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, anh L đã vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, phiên tòa lần thứ 2 anh L có mặt nhưng tự ý bỏ về, không có lý do. Nguyên đơn chị T vắng mặt có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn cố tình vắng mặt, không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh L là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

## [2.] Về nội dung vụ án:

[2.1.] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh L là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh chị và gia đình hai bên không tìm cách giải quyết và hàn gắn tình cảm. Xuất phát từ mâu thuẫn do anh L không có công việc ổn định, không lo kinh tế gia đình, tham gia đánh bạc, nghiện rượu, thường hay đánh đập, ngược đãi, đe dọa, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên không thể hàn gắn đoàn tụ.

Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh L, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện, không ai cưỡng ép hay ép buộc, cả hai phải tôn trọng, giúp đỡ, chăm sóc, giữ gìn hạnh phúc gia đình, để nuôi dạy con, nhưng giữa chị T và anh L không có sự gắn kết, không có tiếng nói chung, không tôn trọng nhau, có hành vi bạo lực gia đình, mâu thuẫn trầm trọng, xung đột kéo dài. Mặt khác, chị T và anh L đã ly thân từ tháng 09/2019 đến nay, anh L đã được Tòa án thông báo hòa giải 02 lần để tạo cơ hội cho anh chị hàn gắn tình cảm, nhưng anh L không đến, từ đó cho thấy anh L không muốn hàn gắn đoàn tụ với chị T.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Bích T đối với anh Nguyễn Văn L phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

## [2.2.] Về con chung:

[2.2.1.] Về nuôi con chung chưa thành niên: Có một người con chung tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 08/5/2009, đang sống chung với anh L, chị T thống nhất giao cháu Bảo N cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bảo N, không cấp dưỡng nuôi con. Anh L không có ý kiến hay yêu cầu về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng cho con chung. Căn cứ bản khai ngày 28/5/2021 của cháu Bảo N trình bày nguyện vọng được sống với anh L. Để đảm bảo cho cháu N có cuộc sống ổn định, phát triển tốt, không gây ảnh hưởng về mặt tâm lý cho cháu khi cha mẹ ly hôn, ổn định việc học, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của cháu và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên sau khi ly hôn và phù hợp với nguyện vọng của cháu N.

Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị T, tiếp tục giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 08/5/2009 cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu N không ai được cản trở.

[2.2.2.] Về cấp dưỡng cho con: Do anh Nguyễn Văn L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3.] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4.] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Lê Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân gia đình là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[3.] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Bích T đối với anh Nguyễn Văn L, cho chị Lê Thị Bích T ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 08/5/2009 cho anh Nguyễn Văn L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18

tuổi. Chị Lê Thị Bích T không phải cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Bảo N do anh Nguyễn Văn L không có yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, chị Lê Thị Bích T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Lê Thị Bích T không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Nguyễn Văn L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của chị Lê Thị Bích T.

### 3. Về án phí:

Nguyên đơn chị Lê Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Lê Thị Bích T đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BI/2019-0006987 ngày 11/12/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, chị Lê Thị Bích T không phải nộp thêm.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 25/10/2021). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKS ND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Tòa án ND tỉnh;
- Công Thông tin Điện tử Tòa án;
- UBND xã Tân Quới;
- Lưu: VT/, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lý Thị Bích Thơ**

